ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2020/QĐ-UBND	*Nam Định, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20/4/2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 501/TTr-SNV ngày 07/4/2020 và Báo cáo thẩm định số 51/STP-KTVB ngày 03/4/2020 của Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2020 và thay thế Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn (xóm) và tổ dân phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Như Điều 3;
- Báo Nam Định, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2020/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định).

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động và phân loại thôn (xóm), tổ dân phố(sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;

c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn được tổ chức ở xã; tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư (không phải là một cấp hành chính) có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp, rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương. Trong trường hợp cụm dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố liền kề.

4. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố.

Chương II
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn, tổ dân phố có Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trong trường hợp cần thiết do yếu tố đặc thù như số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố lớn hoặc địa lý chia cắt, tính phức tạp về quản lý có thể bố trí thêm 01 Phó trưởng thôn, 01 Tổ phó tổ dân phố. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Khoản 3, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 3/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV, cụ thể:

a) Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

c) Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

d) Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp hoặc phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong phạm vi phụ trách; trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi năm hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức 02 lần vào giữa năm và cuối năm; khi cần có thể họp bất thường theo yêu cầu công việc. Thành phần tham dự hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị

được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Trường hợp thôn, tổ dân phố có trên 200 hộ gia đình, có địa bàn dân cư sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư. Mỗi cụm dân cư có từ 70 đến 150 hộ gia đình; cuộc họp của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự; kết quả cuộc họp ở từng cụm dân cư được tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

3. Trình tự tổ chức họp dân được thực hiện theo Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Trong trường hợp khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

- Đối với thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;

- Đối với tổ dân phố phải có từ 350 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác: Thôn, tổ dân phố cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân;

c) Đối với trường hợp đặc thù:

- Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân hoặc các khu vực dân cư có vị trí biệt lập thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định tại điểm a, điểm b, Khoản 1 Điều này.

- Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

2. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 3/12/2018 của Bộ Nội vụ.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

a) Căn cứ nguyên tắc, điều kiện, nhu cầu thực tế và đề nghị của UBND cấp xã về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, UBND cấp huyện tổng hợp có văn bản báo

cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của xã, phường, thị trấn thuộc địa phương.

b) Sở Nội vụ xem xét, thẩm định nhu cầu thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của UBND cấp huyện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

2. Xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Sau khi UBND tỉnh có văn bản đồng ý về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung của Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới gồm:

a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;

d) Các điều kiện khác quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 7 Quy chế này;

đ) Đề xuất, kiến nghị.

3. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri tán thành và số cử tri không tán thành. Nếu trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành, UBND cấp xã hoàn chỉnh Đề án trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện xem xét. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

c) Biên bản lấy ý kiến và Nghị quyết của HĐND cấp xã.

4. Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có Tờ trình (kèm theo 02 bộ hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của UBND cấp xã) gửi Sở Nội vụ 01 bộ, UBND tỉnh 01 bộ. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh;

b) Hồ sơ của cấp xã đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới trình UBND cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của UBND cấp huyện; Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo Khoản 7, Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV.

Điều 10. Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Sau khi có quyết định về chủ trương của UBND cấp huyện về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, UBND cấp xã xây dựng Đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;

b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của cụm dân cư hiện có;

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố hiện có;

d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố;

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn , tổ dân phố hiện có , nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư, thôn, tổ dân phố tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Sau khi có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp xã;

b) Nghị quyết HĐND cấp xã;

c) Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố;

d) Biên bản lấy ý kiến cử tri.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Sau khi nhận được hồ sơ của UBND cấp xã, Phòng Nội vụ nghiên cứu, xây dựng báo cáo thẩm định trình UBND cấp huyện.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện xem xét, thông qua và giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 12. Phân loại thôn, tổ dân phố

1. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố là số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên thuộc địa bàn thôn, tổ dân phố.

2. Thôn, tổ dân phố được phân làm 02 (hai) loại, theo quy mô số hộ gia đình như sau:

a) Thôn có từ 300 hộ gia đình trở lên và tổ dân phố có từ 350 hộ gia đình trở lên: Loại 1;

b) Thôn có dưới 300 hộ gia đình và tổ dân phố có dưới 350 hộ gia đình: Loại 2.

Điều 13. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục phân loại thôn, tổ dân phố

1. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn các xã, phường, thị trấn trực thuộc, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố.

2. Trình tự, thủ tục phân loại

a) UBND cấp xã lập hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) phân loại thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của UBND cấp xã trình Chủ tịch UBND cấp huyện phân loại thôn, tổ dân phố;

- Báo cáo thống kê của Chủ tịch UBND cấp xã về tổng số hộ gia đình đăng ký thường trú và tạm trú thường xuyên theo từng thôn, tổ dân phố;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Công an cấp huyện và Chi cục thống kê tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị của UBND cấp xã, báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Chủ tịch UBND cấp huyện xin ý kiến của Sở Nội vụ về phân loại thôn, tổ dân phố theo địa bàn từng xã, phường, thị trấn thuộc huyện, thành phố, hồ sơ gồm có:

- Công văn đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện (có danh sách báo cáo số hộ gia đình và dự kiến phân loại từng thôn, tổ dân phố kèm theo);

- Biên bản họp thẩm định liên ngành: Nội vụ, Công an, Thống kê.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ thẩm định và có văn bản thống nhất với UBND cấp huyện.

đ) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định phân loại thôn, tổ dân phố trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Sở Nội vụ.

Điều 14. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định điều chỉnh việc phân loại thôn, tổ dân phố.

Trường hợp có biến động lớn về số hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố, thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định điều chỉnh việc phân loại.

2. Trường hợp cấp có thẩm quyền đã có quyết định về thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố, Chủ tịch UBND cấp huyện phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày quyết định thành lập mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố có hiệu lực.

Chương III
TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm vụ

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của UBND cấp xã, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, tổ dân phố và báo cáo trước hội nghị của thôn, tổ dân phố theo định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu công việc.

b) Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố có trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền.

c) Triệu tập và chủ trì các hội nghị thôn, tổ dân phố theo Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN và quy định tại Điều 6, Thông tư số 14/2018/TT-BNV.

d) Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND cấp xã;

e) Phối hợp với Ban Công tác mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để triển khai thực hiện các công việc do các tổ chức này phát động.

f) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với UBND cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp;

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 16. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố

1. Là công dân có từ đủ 21 tuổi trở lên, có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ theo quy định đối với chức trách được giao, nhiệt tình, trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

2. Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; trường hợp đặc biệt có thể tốt nghiệp trung học cơ sở.

3. Có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

4. Có kiến thức văn hóa, kinh nghiệm và năng lực tổ chức và vận động nhân dân; được nhân dân tín nhiệm.

Điều 17. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được hưởng mức bồi dưỡng đối với người tham gia trực tiếp công việc của thôn, tổ dân phố theo quy định.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết về hoạt động của thôn, tổ dân phố. Khi hoàn thành nhiệm vụ được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

Điều 18. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 5 năm (năm năm); thời điểm kiện toàn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện thống nhất chung trên địa bàn toàn tỉnh ngay sau khi bầu đại biểu HĐND, UBND cấp xã.

2. Trường hợp do thành lập mới, nhập, chia, tách thôn, tổ dân phố hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới, trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng dân phố.

3. Nhiệm kỳ của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 19. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Công bố ngày bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, UBND cấp xã công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Chuẩn bị danh sách nhân sự bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận dự kiến danh sách

ứng cử, báo cáo với Chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất và công khai người ứng cử bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Thành lập Tổ bầu cử: Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Tổ bầu cử (Trưởng ban công tác Mặt trận là Tổ trưởng Tổ bầu cử; Thư ký và các thành viên Tổ bầu cử là đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và đại diện cử tri ở thôn, tổ dân phố); nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

4. Lập và niêm yết danh sách cử tri

Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, UBND cấp xã quyết định việc lập danh sách cử tri theo thành phần cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Tổ bầu cử có trách nhiệm lập và niêm yết danh sách cử tri theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử công khai để nhân dân ở thôn, tổ dân phố biết.

5. Hình thức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định hình thức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: Bầu tại Hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức cuộc bầu cử riêng và công bố công khai cho người dân ở thôn, tổ dân phố.

6. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Bầu cử theo hình thức tại Hội nghị thôn, tổ dân phố: Quy trình và thủ tục bầu cử thực hiện theo Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

b) Bầu cử theo hình thức tổ chức cuộc bầu cử riêng:

- Chậm nhất 05 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử thông báo và niêm yết danh sách người ứng cử, thông báo rộng rãi cho nhân dân về thể lệ, địa điểm và thời gian bầu cử.

- Việc bầu cử được thực hiện bằng bỏ phiếu kín, trực tiếp, đảm bảo dân chủ, công khai do Tổ bầu cử tổ chức, có sự giám sát của đại diện cử tri trong thôn, tổ dân phố; cuộc bỏ phiếu phải có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tham gia bỏ phiếu; người trúng cử phải đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố.

- UBND cấp xã quyết định ngày bầu cử vào ngày chủ nhật, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc việc bỏ phiếu, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cử tri tham gia bỏ phiếu; quyết định mẫu phiếu, phiếu hợp lệ, không hợp lệ.

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu có sự chứng kiến của ít nhất 02 cử tri đại diện, lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm phiếu về UBND cấp xã theo quy định.

- UBND cấp xã công bố kết quả bầu cử, thông báo công khai tới nhân dân ở thôn, tổ dân phố; sau 05 ngày kể từ ngày công bố, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường

hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 20. Miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do nguyện vọng cá nhân hoặc lý do khác.

2.Thủ tục miễn nhiệm, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Người miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn nhiệm gửi Chủ tịch UBND cấp xã; trong trường hợp được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm.

b) Hình thức thực hiện miễn nhiệm được thực hiện tại Hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

Hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

3. Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

c) Hội nghị thảo luận đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

d) Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu có từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

đ) Trong trường hợp hội nghị có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo UBND cấp xã xem xét, quyết định miễn nhiệm.

4. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, UBND cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Trường hợp UBND cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 21. Bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bị bãi nhiệm khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của UBND cấp xã, vi

phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

a) Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc có đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì UBND cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự và mời đại diện UBND cấp xã và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự, khách mới được phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

2. Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bầy bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan, chủ quan và các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến.

d) Hội nghị tiến hành biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử tổ kiểm phiếu có từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

Trong trường hợp hội nghị có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri địa diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo UBND cấp xã xem xét, quyết định bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố về việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, UBND cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Trường hợp UBND cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày UBND cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nội vụ

a) Thẩm định về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; sáp nhập; chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn; giải thể thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố; báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

b) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV và Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Tổ chức phân loại thôn, tổ dân phố theo quy định; Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo đúng trình tự quy định;

b) Chỉ đạo kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn; định kỳ đến ngày 15/12 hàng năm Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) về tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và việc thực hiện Quy chế này.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị